

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GẠCH MEN THANH THANH**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo tài chính đã được soát xét  
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bửu Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Ông Viễn Đông	Thành viên
Ông Hồ Hữu Phước	Thành viên
Bà Võ Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Khương Chị Châm	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tuyền	Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Các hoạt động chính

Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng,...

### 4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 24.

### 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

### 6. Các khoản nợ bắt ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bắt ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm

### 9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



*Trịnh Hữu Xuân*

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

3-C2  
Y  
TU KH  
AN  
M  
SỐ CH



Số: 154/DFK-BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

**P. GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN TUYỀN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LÊ ĐÌNH HUYỀN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1756-2013-042-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>139.046.827.155</b>	<b>131.712.560.674</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>38.735.499.117</i>	<i>29.707.513.137</i>
1. Tiền	111		7.735.499.117	6.707.513.137
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	23.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>29.731.833.328</i>	<i>23.654.608.901</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	27.882.160.033	23.586.870.473
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.339.386.834	619.392.337
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	1.941.289.764	814.877.100
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.431.003.303)	(1.366.531.009)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.05</i>	<i>70.272.051.547</i>	<i>77.810.094.953</i>
1. Hàng tồn kho	141		76.301.680.103	83.745.437.509
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.029.628.556)	(5.935.342.556)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>307.443.163</i>	<i>540.343.683</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	307.443.163	15.120.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	525.223.683
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>22.903.513.456</b>	<b>24.331.577.129</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>258.500.000</i>	<i>258.500.000</i>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	258.500.000	258.500.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>17.902.489.289</i>	<i>19.123.077.129</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	17.860.449.295	19.064.221.133
- Nguyên giá	222		246.383.701.276	246.477.496.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(228.523.251.981)	(227.413.274.958)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	42.039.994	58.855.996
- Nguyên giá	228		100.896.000	100.896.000
* - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.856.006)	(42.040.004)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.09</i>	<i>4.742.524.167</i>	<i>4.950.000.000</i>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.920.000.000	1.920.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.030.000.000	3.030.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(207.475.833)	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>161.950.340.611</b>	<b>156.044.137.803</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>75.618.143.136</b>	<b>72.448.876.434</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.203.143.136</b>	<b>68.693.876.434</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	33.966.905.318	22.582.097.139
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		666.227.825	863.915.272
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.567.665.258	510.780.370
4. Phải trả người lao động	314		11.243.064.527	13.495.708.744
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	12.269.452
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	16.738.579.519	17.079.803.273
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	4.900.000.000	13.616.011.495
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.120.700.689	533.290.689
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.415.000.000</b>	<b>3.755.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	3.415.000.000	3.755.000.000
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.14	<b>86.332.197.475</b>	<b>83.595.261.369</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>86.332.197.475</b>	<b>83.595.261.369</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.923.480.000	59.923.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313.744.700	313.744.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		424.272.909	424.272.909
4. Cổ phiếu quỹ	415		(652.100.000)	(652.100.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.534.128.738	8.835.221.725
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		100.000.000	100.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.688.671.128	14.650.642.035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.923.312.622	1.156.106.967
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.765.358.506	13.494.535.068
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>161.950.340.611</b>	<b>156.044.137.803</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Người lập biểu



Võ Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2015

3/2002  
CỔ  
HÀNH  
KIẾ  
VIỆ  
DINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	189.914.066.193	188.248.016.519
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.02	992.379.240	289.132.566
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		188.921.686.953	187.958.883.953
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	163.280.140.931	166.221.358.562
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.641.546.022	21.737.525.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	748.440.157	611.914.470
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	382.074.645	117.740.119
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.085.390	114.047.452
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	7.278.867.681	6.919.116.826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	7.397.710.313	6.880.269.509
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.331.333.540	8.432.313.407
11. Thu nhập khác	31	VI.08	168.153.107	236.827.390
12. Chi phí khác	32	VI.09	4.393.078	69.836.712
13. Lợi nhuận khác	40		163.760.029	166.990.678
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.495.093.569	8.599.304.085
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.729.735.063	1.304.539.405
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.765.358.506	7.294.764.680
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.397	1.228

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Người lập biểu



Võ Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>11.495.093.569</b>	<b>8.599.304.085</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.480.587.840	2.802.556.150
Các khoản dự phòng	03	366.234.127	(107.852.780)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(55.005.233)	(76.961.215)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(730.198.288)	(561.281.739)
Chi phí lãi vay	06	91.085.390	114.047.452
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>12.647.797.405</b>	<b>10.769.811.953</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(5.750.931.654)	(2.510.974.872)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	7.443.757.406	12.495.665.597
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.602.459.916	12.801.931.737
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(292.323.163)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(103.354.842)	(114.047.452)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(461.343.372)	(879.927.548)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(276.000.000)	(1.300.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.810.061.696</b>	<b>31.262.459.416</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(260.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	90.909.091	27.909.091
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	785.902.730	533.372.648
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>616.811.821</b>	<b>561.281.739</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	31.437.216.598	21.338.690.366
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(40.153.228.093)	(18.658.957.092)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.752.422.400)	(4.158.369.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(13.468.433.895)</b>	<b>(1.478.636.326)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>8.958.439.622</b>	<b>30.345.104.829</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>29.707.513.137</b>	<b>18.011.389.828</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	69.546.358	76.961.215
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>38.735.499.117</b>	<b>48.433.455.872</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

*Thùy*

Người lập biểu

*Thùy*

Võ Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3600665643 ngày 02/01/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 ngày 26/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTC kể từ ngày 07/01/2010 theo Thông báo số 779/TB-SGDHN cấp ngày 16/12/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 59.923.480.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Thanh Thanh Joint Stock Company (TTC).

Trụ sở chính đặt tại: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Xây lắp công nghiệp; Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng; Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác và chế biến khoáng sản; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Kinh doanh vận tải.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

**Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

**Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế

##### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

### 5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

1. B. 200  
C  
THANH  
KI  
VII  
2015

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## 7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Phần mềm kế toán	03 năm

## 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí bảo trì phần mềm chờ phân bổ
- Tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng năm 2015 chờ phân bổ

## 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ là:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó đang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó đang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận** được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hàng mẫu, chi phí bao bì, đóng gói, chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho,...

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

### 19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan khác, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong 12 năm, được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 02 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi trên theo quy định của Luật thuế TNDN. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty tự xác định được miễn thuế TNDN trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo. Năm 2015, Công ty đã hết thời gian được giảm 50% số thuế phải nộp, và là năm thứ 12 áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15%.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

#### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2015	01/01/2015
Tiền mặt	458.817.603	152.680.800
Tiền gửi ngân hàng	(*) 7.276.681.514	6.554.832.337
Các khoản tương đương tiền	(**) 31.000.000.000	23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.735.499.117</b>	<b>29.707.513.137</b>

(*) Bao gồm:	30/6/2015
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	6.664.044.977
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (27,997.38 USD)	609.860.598
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (114.10 EUR)	2.775.939
<b>Cộng</b>	<b>7.276.681.514</b>

(\*\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, với lãi suất từ 4.6% - 5%/năm.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/6/2015	01/01/2015
- Công ty TNHH MTV TM DV XNK Cường Phát - CN Bình Dương	3.404.895.003	2.145.408.603
- Công Ty TNHH DV XD TM Ngọc Bích	2.824.080.141	3.038.525.216
- Công Ty TNHH MTV TM Thảo Dung	4.956.349.859	3.847.497.351
- DNTN Chín Phước	3.983.979.566	3.326.349.590
- DNTN Minh Khuê	2.952.816.543	3.042.361.665
- Các khoản phải thu khách hàng khác	(*) 9.760.038.921	8.186.728.048
<b>Cộng</b>	<b>27.882.160.033</b>	<b>23.586.870.473</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng nước ngoài có gốc ngoại tệ là 77,414.40 tương đương 1.686.317.875 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Phải thu khác	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	110.372.222	-	173.254.167	-
- Khoản tiền cho mượn thanh toán, không hợp đồng và không lãi suất đến các nhân viên	394.800.000	(394.800.000)	394.800.000	(394.800.000)
- Thuế TNCN phải thu từ nhân viên	38.456.242	-	69.541.845	-
- Phải thu lãi liên quan đến khoản ứng trước cho Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định	-	-	83.731.588	-
- Phải thu liên quan đến khoản ký quỹ HĐ gia công và phục hồi khuôn số 07/2015/HĐMB với Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định FICO	1.000.000.000	-	-	-
- Phải thu liên quan đến khoản cho mượn vật tư	37.500.000	(37.500.000)	37.500.000	(37.500.000)
- Các khoản tạm ứng	360.161.300	-	56.049.500	-
<b>Cộng</b>	<b>1.941.289.764</b>	<b>(432.300.000)</b>	<b>814.877.100</b>	<b>(432.300.000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	258.500.000	-	258.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>258.500.000</b>	<b>-</b>	<b>258.500.000</b>	<b>-</b>

4. Nợ xấu	30/6/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng - 1 năm	863.656.038	840.000.000	Công ty TNHH MTV Rocky Nguyễn Đoàn	-	-	
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm	109.001.018	100.000.000	DNTN Tuấn Hạnh	-	-	
	216.249.912	40.000.000	DNTN My Lương	-	-	
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	407.010.310	-	CH Thịnh Phát	407.010.310	-	CH Thịnh Phát
	223.186.511	-	CH Huy Hoàng	223.186.511	-	CH Huy Hoàng
	936.334.188	200.000.000	Khác	956.334.188	220.000.000	Khác
<b>Cộng</b>	<b>2.755.437.977</b>	<b>1.180.000.000</b>		<b>1.586.531.009</b>	<b>220.000.000</b>	

A.D. 2015  
 CH  
 TRÁCH  
 KHI  
 VII  
 W. BINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn:**

Số dư đầu năm	(1.366.531.009)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(64.472.294)
Giảm (do xóa nợ)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(1.431.003.303)</b>

5. Hàng tồn kho	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	11.012.714.516	(577.975.253)	17.860.492.616	(577.975.253)
- Công cụ, dụng cụ	1.772.166.370	(1.131.503.304)	1.854.055.630	(1.131.503.304)
- Thành phẩm	63.516.799.217	(4.320.150.000)	64.030.889.263	(4.225.864.000)
<b>Cộng</b>	<b>76.301.680.103</b>	<b>(6.029.628.556)</b>	<b>83.745.437.509</b>	<b>(5.935.342.556)</b>

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập bổ sung trong kỳ (94.286.000 đồng) đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển và hàng còn tồn lô nhỏ, khó bán.

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	25.328.736.587	212.073.697.774	8.968.805.530	106.256.200	246.477.496.091
Mua trong kỳ	-	-	260.000.000	-	260.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	353.794.815	-	353.794.815
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.328.736.587</b>	<b>212.073.697.774</b>	<b>8.875.010.715</b>	<b>106.256.200</b>	<b>246.383.701.276</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	20.734.440.841	201.340.467.392	5.232.110.525	106.256.200	227.413.274.958
Khấu hao trong kỳ	324.904.998	866.917.560	271.949.280	-	1.463.771.838
Thanh lý, nhượng bán	-	-	353.794.815	-	353.794.815
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>21.059.345.839</b>	<b>202.207.384.952</b>	<b>5.150.264.990</b>	<b>106.256.200</b>	<b>228.523.251.981</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	4.594.295.746	10.733.230.382	3.736.695.005	-	19.064.221.133
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>4.269.390.748</b>	<b>9.866.312.822</b>	<b>3.724.745.725</b>	<b>-</b>	<b>17.860.449.295</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 210.212.992.363 đồng.

2008  
 CÔNG TY  
 TNHH  
 M T D  
 ĐFK  
 T N A  
 TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (phần mềm vi tính)**

	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/6/2015
Nguyên giá	100.896.000	-	-	100.896.000
Giá trị hao mòn lũy kế	42.040.004	16.816.002	-	58.856.006
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>58.855.996</b>			<b>42.039.994</b>

**8. Chi phí trả trước**

	30/6/2015	01/01/2015
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo trì phần mềm chờ phân bổ	5.040.000	15.120.000
- Tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng năm 2015 chờ phân bổ	302.403.163	-
<b>Cộng</b>	<b>307.443.163</b>	<b>15.120.000</b>

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn	30/6/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(a) - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.920.000.000	2.349.028.753	-	1.920.000.000	2.447.765.968	-
(b) - Đầu tư vào đơn vị khác	3.030.000.000	2.822.524.167	(207.475.833)	3.030.000.000	2.752.142.228	-

(a): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng, tương ứng với 205.440 cổ phiếu, chiếm 24% vốn điều lệ. Trong thời kỳ tài chính này, Công ty nhận được cổ tức bằng tiền là 143.808.000 đồng. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định dựa trên giá trị sổ sách của công ty nhận đầu tư theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2015 kết thúc vào ngày 30/6/2015.

(b): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco (vốn điều lệ là 65 tỷ đồng). Trong thời kỳ tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ công ty này. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định dựa trên giá trị sổ sách của công ty nhận đầu tư theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2015 kết thúc vào ngày 30/6/2015.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết trong kỳ:

- Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1:

Mua vật tư

(5.384.867.320)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**10. Vay và nợ thuê tài chính**

Vay ngắn hạn	01/01/2015		Trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
BIDV - CN Đồng Nai	13.616.011.495	13.616.011.495	31.437.216.598	40.153.228.093	4.900.000.000	4.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.616.011.495</b>	<b>13.616.011.495</b>	<b>31.437.216.598</b>	<b>40.153.228.093</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>

Vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 12/2015/378368 ngày 05/6/2015 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng (bao gồm vay bằng VND và ngoại tệ), mục đích vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng kiểm soát nhận nợ; lãi suất vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng kiểm soát nhận nợ cụ thể (lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 5,2%/năm). Tài sản đảm bảo: Các khoản phải thu và toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ tại các Tổ chức tín dụng. Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2015 là 4.900.000.000 đồng.

**11. Phải trả người bán**

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn (a)	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP CNG Việt Nam	15.677.644.378	15.677.644.378	6.312.697.947	6.312.697.947
- Công ty TNHH KD FRIT Thừa Thiên Huế	3.635.328.400	3.635.328.400	3.594.102.600	3.594.102.600
- Phải trả cho các đối tượng khác	14.653.932.540	14.653.932.540	12.675.296.592	12.675.296.592
<b>Cộng</b>	<b>(*) 33.966.905.318</b>	<b>33.966.905.318</b>	<b>22.582.097.139</b>	<b>22.582.097.139</b>

(\*) Số dư cuối kỳ bao gồm khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 56,592.00 USD tương đương 1.232.489.584 đồng.

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

- Công ty CP Phước hòa FICO	1.005.330.460	1.005.330.460	422.114.068	422.114.068
- Công ty Cơ Khí XD Tân Định	256.993.000	256.993.000	1.960.000	1.960.000
- Công ty Cổ Phần Bao Bì & Khoáng Sản Số 1	1.135.287.054	1.135.287.054	1.055.043.088	1.055.043.088
<b>Cộng</b>	<b>2.397.610.514</b>	<b>2.397.610.514</b>	<b>1.479.117.156</b>	<b>1.479.117.156</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Phải nộp	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2015
	- Thuế GTGT	-	4.520.034.675	3.715.117.180
- Thuế XNK	-	101.438.497	101.438.497	-
- Thuế TNDN	461.343.372	1.729.735.063	461.343.372	1.729.735.063
- Thuế TNCN	49.436.998	169.898.550	186.322.848	33.012.700
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>510.780.370</b>	<b>6.524.106.785</b>	<b>4.467.221.897</b>	<b>2.567.665.258</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/6/2015	01/01/2015
<b>13. Phải trả khác</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	104.701.959	156.473.320
- Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp còn phải nộp	577.754.988	452.303.710
- Cổ tức còn phải trả	8.737.435	8.737.435
- Khoản nhận đặt cọc về sản xuất sản phẩm độc quyền cho các khách hàng	15.473.944.500	15.899.784.500
- Thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	550.270.637	550.270.637
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.170.000	12.233.671
<b>Cộng</b>	<b>16.738.579.519</b>	<b>17.079.803.273</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn từ các đại lý	<b>3.415.000.000</b>	<b>3.755.000.000</b>

**14. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2014	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	59.923.480.000	-	-	59.923.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	313.744.700	-	-	313.744.700
Vốn khác của chủ sở hữu	424.272.909	-	-	424.272.909
Cổ phiếu quỹ	(652.100.000)	-	-	(652.100.000)
Các quỹ	7.056.602.583	1.878.619.142	-	8.935.221.725
LNST chưa phân phối	9.393.095.709	13.494.535.068	8.236.988.742	14.650.642.035
<b>Cộng</b>	<b>76.459.095.901</b>	<b>15.373.154.210</b>	<b>8.236.988.742</b>	<b>83.595.261.369</b>

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	30/6/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	59.923.480.000	-	-	59.923.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	313.744.700	-	-	313.744.700
Vốn khác của chủ sở hữu	424.272.909	-	-	424.272.909
Cổ phiếu quỹ	(652.100.000)	-	-	(652.100.000)
Các quỹ	8.935.221.725	2.698.907.013	-	11.634.128.738
LNST chưa phân phối	14.650.642.035	9.765.358.506	9.727.329.413	14.688.671.128
<b>Cộng</b>	<b>83.595.261.369</b>	<b>12.464.265.519</b>	<b>9.727.329.413</b>	<b>86.332.197.475</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Đăng ký kinh doanh		Vốn góp thực tế tại
	Tỷ lệ	Số tiền	ngày 30/6/2015
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	43%	25.635.000.000	25.635.000.000
Các cổ đông khác	57%	34.288.480.000	34.288.480.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>59.923.480.000</b>	<b>59.923.480.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/6/2015	01/01/2015
<b>c) Cổ phiếu</b>		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.992.348	5.992.348
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.992.348	5.992.348
+ Cổ phiếu phổ thông	5.992.348	5.992.348
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	51.820	51.820
+ Cổ phiếu phổ thông	51.820	51.820
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	5.940.528
+ Cổ phiếu phổ thông	5.940.528	5.940.528
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp
* Đơn giá tồn của cổ phiếu quỹ:	12.584	12.584
<b>d) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ:</b>		
- Chia cổ tức (8% vốn điều lệ)		4.752.422.400
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.000.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển		2.024.180.260
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		674.726.753
- Thương HĐQT, BKS		276.000.000
<b>Cộng</b>		<b>9.727.329.413</b>
<b>đ) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển	(*) 11.534.128.738	8.835.221.725
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100.000.000	100.000.000

(\*) Quỹ đầu tư phát triển đầu kỳ đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (6.877.701.334 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (1.957.520.391 đồng).

**15. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

	30/6/2015	01/01/2015
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
- USD	27.997.38	271.257.35
- EUR	114.10	126.63
<b>Nợ khó đòi đã xử lý:</b>		
- Công ty TNHH XD TM Hoàng Đức	116.779.006	116.779.006
- XN XD & SX VLXD	67.535.361	67.535.361
- CH 60B Trương Định	51.087.068	51.087.068
- Công ty XD Số 8	32.721.678	32.721.678
- Các đối tượng khác	69.457.569	69.457.569
<b>Cộng</b>	<b>337.580.682</b>	<b>337.580.682</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	189.914.066.193	188.248.016.519
<b>Cộng</b>	<b>189.914.066.193</b>	<b>188.248.016.519</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Chiết khấu thương mại	621.305.693	100.721.472
- Hàng bán bị trả lại	371.073.547	188.411.094
<b>Cộng</b>	<b>992.379.240</b>	<b>289.132.566</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	163.185.854.931	166.476.760.562
- Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	94.286.000	(255.402.000)
<b>Cộng</b>	<b>163.280.140.931</b>	<b>166.221.358.562</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	495.481.197	389.564.648
- Cổ tức nhận được	143.808.000	143.808.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	109.150.960	78.541.822
<b>Cộng</b>	<b>748.440.157</b>	<b>611.914.470</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	91.085.390	114.047.452
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	83.513.422	3.692.667
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	207.475.833	-
<b>Cộng</b>	<b>382.074.645</b>	<b>117.740.119</b>

CÔNG  
 HỮU  
 CỔ  
 PHẦN  
 GẠCH  
 MEN  
 THANH  
 THANH  
 VIỆT  
 N - T

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.597.063.495	2.199.108.552
- Chi phí vật liệu bao bì	313.293.256	245.488.644
- Chi phí khấu hao TSCĐ	70.390.596	41.990.142
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.301.465.532	3.070.592.651
- Chi phí bằng tiền khác	996.654.802	1.361.936.837
<b>Cộng</b>	<b>7.278.867.681</b>	<b>6.919.116.826</b>

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.987.441.240	4.305.188.312
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	337.400.477	465.911.822
- Chi phí khấu hao TSCĐ	213.706.638	185.351.640
- Thuế, phí và lệ phí	430.171.582	137.272.672
- Chi phí dự phòng	64.472.294	147.549.220
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.769.015	505.556.974
- Chi phí khác bằng tiền	1.246.047.289	1.133.438.869
<b>Cộng</b>	<b>7.413.008.535</b>	<b>6.880.269.509</b>
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Các khoản ghi giảm khác	(15.298.222)	-
<b>Cộng</b>	<b>(15.298.222)</b>	<b>-</b>
<b>Cộng (a) và (b)</b>	<b>7.397.710.313</b>	<b>6.880.269.509</b>

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>8. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	90.909.091	27.909.091
- Thu nhập do nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	77.243.135	123.130.354
- Thu nhập do xử lý hàng tồn kho thừa khi kiểm kê	-	85.002.395
- Thu nhập khác	881	785.550
<b>Cộng</b>	<b>168.153.107</b>	<b>236.827.390</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>9. Chi phí khác</b>		
- Chi phí xử lý hàng tồn kho thiếu đo kiểm kê	-	69.836.085
- Chi phí khác	4.393.078	627
<b>Cộng</b>	<b>4.393.078</b>	<b>69.836.712</b>

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	127.105.131.312	124.320.779.758
- Chi phí nhân công	26.244.004.068	22.448.602.252
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.480.587.840	2.802.556.150
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.581.407.544	16.754.106.444
- Chi phí khác bằng tiền	3.970.530.392	3.779.478.681
<b>Cộng</b>	<b>177.381.661.156</b>	<b>170.105.523.285</b>

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.495.093.569</b>	<b>8.599.304.085</b>
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	143.808.000	143.808.000
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>11.351.285.569</b>	<b>8.455.496.085</b>
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	10.964.968.028	7.938.139.056
- Thu nhập khác	386.317.541	517.357.029
Thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động kinh doanh chính (15%)	1.644.745.204	1.190.720.858
Thuế TNDN phải nộp đối với thu nhập khác (22%)	84.989.859	113.818.546
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính</b>	<b>1.729.735.063</b>	<b>1.304.539.405</b>

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.765.358.506	7.294.764.680
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(1.464.803.776)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.300.554.730	7.294.764.680
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.940.528	5.940.528
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.397</b>	<b>1.228</b>

(\*) Khoản điều chỉnh giảm do tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng với tỷ lệ năm 2014 là 15% trên lợi nhuận sau thuế phát sinh trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## VII. Những thông tin khác

### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015, Công ty đang có kế hoạch phát hành thêm 9.000.000 cổ phần (tương ứng 90 tỷ đồng), nâng vốn điều lệ từ 59.923.480.000 đồng lên 149.923.480.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền huy động để đầu tư xây dựng nhà máy mới tại KCN Nhơn Trạch 2 - Nhơn Phú.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 2. Thông tin về các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(2.208.645.333)
Công ty Cơ khí XD Tân Định	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(841.865.786)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(227.000.000)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	(5.384.867.320)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả	(1.005.330.460)
Công ty Cơ khí XD Tân Định	Cùng tập đoàn	Phải trả	(256.993.000)
		Phải thu khác	1.000.000.000
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Phải trả	(1.135.287.054)

### 3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào cung cấp dịch vụ tại một môi trường kinh tế.

### 4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính do có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Người lập biểu

Võ Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015